



30/08/22

## **DAILY** MORNING

Tỷ lệ thất nghiệp của  
Nhật Bản giữ nguyên 2.6%

## Điểm tin vĩ mô

### Thế giới:

- Dow Jones giảm -0.57% xuống 32,098.99 điểm; Nasdaq Composite giảm 1.02% xuống 12,017.67 điểm; S&P 500 giảm -0.67% xuống 4,030.61 điểm.
- Nhật Bản: Tỷ lệ thất nghiệp của Nhật Bản vẫn ở mức 2.6% trong tháng thứ ba liên tiếp vào T7.2022. Số người thất nghiệp T7.2022 giảm 2.2% xuống 1.76 triệu người svck 2021.
- Trung Quốc: đạt thỏa thuận cho phép giới chức Mỹ thanh tra tài liệu kiểm toán của các DN TQ đang niêm yết tại New York, giúp thoát nguy cơ hủy niêm yết ở Mỹ.
- EU: sẽ tổ chức một cuộc họp khẩn cấp về năng lượng vào ngày 9/9 để chuẩn bị cho việc can thiệp khẩn cấp vào thị trường điện.
- Goldman Sachs: dự đoán nền kinh tế Anh sẽ bước vào giai đoạn suy thoái trong quý IV, nền kinh tế giảm 0.6% vào 2023.
- Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF): phê duyệt khoản viện trợ khoảng 1.2 tỷ USD cho Pakistan, phê duyệt hạn mức tín dụng 18.5 tỷ USD cho Chile.

### Trong nước

- Tổng thu NSNN lũy kế 8T.2022 đạt 1,208.2 ngàn tỷ đồng, bằng 85.6% dự toán năm và tăng 19.4% so với cùng kỳ năm trước.
- Lạm phát cơ bản T8.2022 tăng 0.4% so với tháng trước, tăng 3.06% svck. Lạm phát cơ bản 8T.2022 tăng 1.64% svck 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 2.58%).
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 8T.2022 ước đạt gần 3.7 triệu tỷ đồng, tăng hơn 19% svck, mức tăng cao nhất kể từ 2018.
- Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu 8T.2022 ước đạt 497.64 tỷ USD, tăng 15.5% svck, trong đó xuất khẩu tăng 17.3%; nhập khẩu tăng 13.6%. Cán cân thương mại hàng hóa 8T.2022 ước tính xuất siêu 3.96 tỷ USD.
- Tổng số DN đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động 8T.2022 tăng 31.1% svck, trong đó số DN thành lập mới tăng 24.2% và số DN quay trở lại hoạt động tăng 48.3%.
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp 8T.2022 ước tăng 9.4% svck, trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 10.4%, đóng góp 8.1 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

## Điểm tin doanh nghiệp

- SBV: Chốt quyền trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt, tỷ lệ 12%, ngày giao dịch không hưởng quyền là 22/09/2022.
- HVV: Trúng gói thầu quản lý vận hành tuyến La Sơn – Túy Loan.
- SCL: Chào bán hơn 25.4 triệu cp cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 1:1. Giá chào bán 10,000 đồng/cp, ước tính có thể thu về hơn 254 tỷ đồng, qua đó nâng vốn điều lệ lên hơn 508 tỷ đồng.
- HAG: Đang tiến hành nuôi thí điểm 100,000 con gà trên diện tích 2 ha tại huyện Mang Yang, Gia Lai và dự kiến đưa sản phẩm ra thị trường vào tháng 11/2022.
- VHM: Công bố chuẩn bị thành lập 3 công ty con, đều hoạt động trong lĩnh vực bất động sản, với tổng vốn điều lệ hơn 11 ngàn tỷ đồng.
- DPR: Nhận giải thưởng Top 10 thương hiệu uy tín hàng đầu Châu Á 2022.
- QCG: Tranh chấp giữa QCG và Sunny Island vẫn chưa có kết quả, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam chưa có phán quyết về vụ tranh chấp.
- SSB: Phó Tổng giám đốc SeABank đăng ký bán 71,800 cổ phiếu. Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận, thời gian giao dịch dự kiến từ ngày 31/8 đến ngày 30/9.
- BIC: Trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 15% (1 cp được nhận 1.500 đồng), ngày giao dịch không hưởng quyền là 14/09.
- NVL: Dự kiến sẽ phát hành gần 482.6 triệu cổ phiếu với mệnh giá 10,000 đồng/cp, tương đương tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là hơn 4,825.8 tỷ đồng.

### Điểm nhấn thị trường

- |                                         |         |
|-----------------------------------------|---------|
| <a href="#">1. TTCK Thế giới</a>        | Trang 2 |
| <a href="#">2. TTCK Việt Nam</a>        | Trang 3 |
| <a href="#">3. Giao dịch khối ngoại</a> | Trang 4 |
| <a href="#">4. Thị trường hàng hóa</a>  | Trang 5 |

# TTCK Thế giới: Dow Jones giảm gần 200 điểm

|                      | 30/8     | % Sáng<br>30/8 | 29/8     | % Ngày | % Tuần | % Tháng |
|----------------------|----------|----------------|----------|--------|--------|---------|
| VN INDEX             |          |                | 1,270.80 | -0.92% | 0.82%  | 5.19%   |
| HNX INDEX            |          |                | 295.54   | -1.32% | 0.27%  | 1.97%   |
| VN30 INDEX           |          |                | 1,293.25 | -1.04% | 0.61%  | 4.62%   |
| Shanghai Composite   |          |                | 3,240.73 | 0.14%  | -1.13% | -1.27%  |
| Nikkei 225 NKY       |          |                | 27,974.7 | 0.34%  | -1.68% | 0.57%   |
| Korea Kospi          |          |                | 2,442.37 | 0.64%  | 0.29%  | 0.29%   |
| Straits Times STI    |          |                | 3,222.26 | -0.84% | -1.24% | 0.53%   |
| Thailand SET         |          |                | 1,626.52 | -1.11% | 0.66%  | 4.24%   |
| Malaysia FBMKLCI     |          |                | 1,501.57 | 0.09%  | 0.95%  | 0.70%   |
| Philippines PCOMP    |          |                | 6,752.50 | 0.69%  | -1.62% | 8.27%   |
| Indonesia JCI        |          |                | 7,132.05 | -0.04% | 0.34%  | 3.39%   |
| S&P500 SPX           |          |                | 4,030.61 | -0.67% | -2.59% | -1.03%  |
| S&P500 Futures       | 3,711.75 | 0.98%          | 4,031.25 | -0.70% | -2.43% | -2.50%  |
| Dow Jones Industrial |          |                | 32,099.0 | -0.57% | -2.92% | -1.32%  |
| Nasdaq Composite     |          |                | 12,017.7 | -1.02% | -2.94% | -1.19%  |
| Euro Stoxx 50        |          |                | 3,570.51 | -0.92% | -2.40% | -2.24%  |
| FTSE 100 UKX         |          |                | 7,427.31 | -0.70% | -1.63% | 1.08%   |
| Russian MOEX         |          |                | 2,296.33 | 1.21%  | 3.06%  | 4.90%   |

Nguồn: Bloomberg, BSC

| Shanghai Composite |          | S&P 500   |           |
|--------------------|----------|-----------|-----------|
| Xu hướng           | Up trend | Xu hướng  | Tích lũy  |
| Kháng cự           | 3500     | Kháng cự  | 4300      |
| Hỗ trợ             | 3100     | Hỗ trợ    | 3900      |
| Điểm PTKT          | TÍCH CỰC | Điểm PTKT | TRUNG LẬP |

Diễn biến S&P 500



Diễn biến Shanghai Composite



Nguồn: Bloomberg, BSC



# TTCK Việt Nam: VN-Index giảm điểm

| Ngành                   | % Ngày | % Tuần | % Tháng |
|-------------------------|--------|--------|---------|
| Bán lẻ                  | 1.74%  | 8.42%  | 20.08%  |
| Bảo hiểm                | 0.05%  | 0.46%  | 0.69%   |
| Bất động sản            | -1.79% | -0.47% | 3.65%   |
| Công nghệ Thông tin     | -0.79% | -0.02% | 4.51%   |
| Dầu khí                 | 1.35%  | 3.42%  | 12.05%  |
| Dịch vụ tài chính       | -1.59% | -0.36% | 10.55%  |
| Điện, nước & xăng dầu   | 0.88%  | 1.44%  | 5.97%   |
| Du lịch và Giải trí     | -1.53% | -1.49% | -0.66%  |
| Dịch vụ Công nghiệp     | -0.47% | 1.50%  | 3.96%   |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | -1.45% | 0.80%  | 2.33%   |
| Hóa chất                | 0.27%  | 7.17%  | 8.47%   |
| Ngân hàng               | -1.00% | 1.04%  | 4.96%   |
| Ô tô và phụ tùng        | -2.52% | -0.50% | 1.61%   |
| Tài nguyên Cơ bản       | -2.06% | -1.06% | 6.07%   |
| Thực phẩm và đồ uống    | -0.55% | 0.40%  | 4.65%   |
| Truyền thông            | -1.55% | 10.15% | 12.04%  |
| Viễn thông              | 0.00%  | -8.42% | -6.53%  |
| Xây dựng và Vật liệu    | -1.82% | -0.27% | 4.72%   |
| Y tế                    | -1.45% | -2.07% | -1.86%  |

Nguồn: Fiinpro, BSC



Nguồn: Tradingview, BSC

| VN INDEX  |           |
|-----------|-----------|
| Xu hướng  | Tích lũy  |
| Kháng cự  | 1350      |
| Hỗ trợ    | 1100      |
| Điểm PTKT | TRUNG LẬP |

| Cập nhật thị trường                                                                                                                                                                                                  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| VN-Index duy trì đà đi xuống trong phiên sáng và đột ngột đảo chiều tăng mạnh vào phiên chiều. Trong những phiên tới, thị trường có thể sẽ giằng co tại ngưỡng hỗ trợ cũ 1,270-1,275 – nay đã thành ngưỡng kháng cự. |





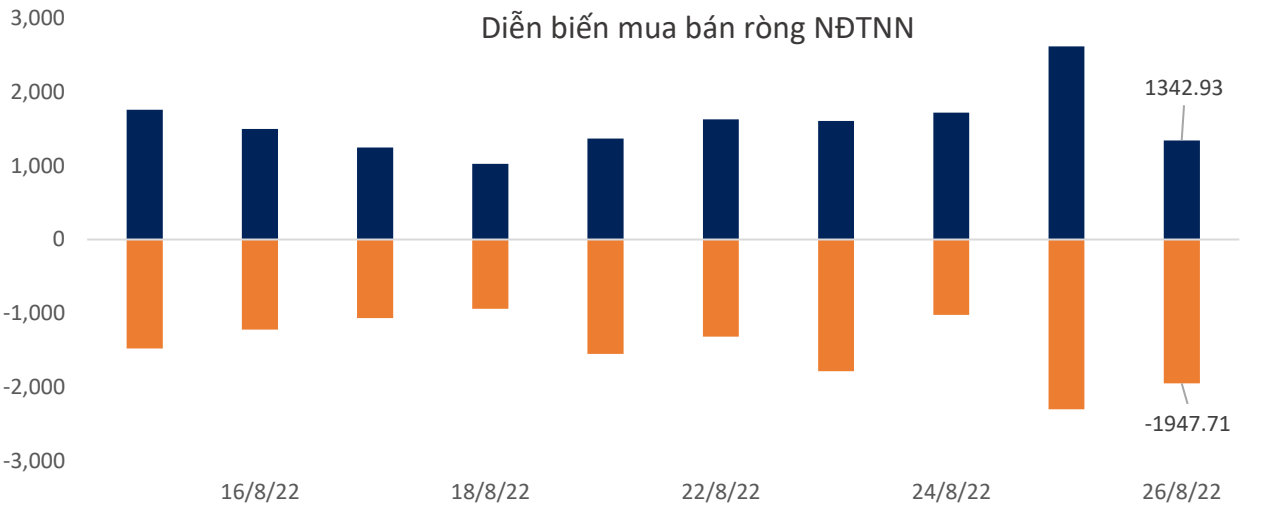
Khối ngoại: ETF E1, Diamond giảm quy mô

| ETF          | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng<br>chỉ quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |      |       |        | Nhận định                                                                                                                                                                 |
|--------------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|------|-------|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|              |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W   | 1M    | 3M     |                                                                                                                                                                           |
| E1VFN30      | 339.0            | 1.0             | (0.1)              | -3.7%        | -0.1                      | -5.0 | -11.3 | -23.6  | ETF E1, Diamond giảm quy mô, các ETF khác có trạng thái cân bằng và giữ nguyên quy mô.<br>Khối ngoại mua ròng ở Indonesia, Malaysia và bán ròng ở các thị trường còn lại. |
| FUEMAVN30    | 30.0             | 0.7             | 0.0                | -2.9%        | 0.0                       | 1.0  | 1.0   | 1.0    |                                                                                                                                                                           |
| FUESSVFL     | 147.7            | 0.8             | (0.0)              | -2.1%        | 0.0                       | 0.4  | 8.4   | 15.6   |                                                                                                                                                                           |
| FUESSVN30    | 3.9              | 0.7             | 0.0%               | -2.7%        | 0.0                       | 0.0  | 0.0   | 0.0    |                                                                                                                                                                           |
| FUEVFN30     | 781.3            | 1.2             | (1.0)              | -4.1%        | -1.2                      | -3.3 | -37.4 | 44.2   |                                                                                                                                                                           |
| FUEVN100     | 11.1             | 0.7             | (0.0)              | -1.0%        | 0.0                       | 0.0  | 0.4   | 2.3    |                                                                                                                                                                           |
| FTSE Vietnam | 312.7            | 35.4            | -                  | -1.7%        | 0.0                       | 0.5  | 34.5  | 33.7   |                                                                                                                                                                           |
| FUBON FTSE   | 598.1            | 0.5             | -                  | -0.6%        | 0.0                       | 1.0  | 11.6  | 94.3   |                                                                                                                                                                           |
| iShare       | 358.7            | 27.9            | -                  | -1.8%        | 0.0                       | -    | -     | (23.5) |                                                                                                                                                                           |
| KIM          | 130.0            | 16.3            | -                  | -2.4%        | 0.0                       | -    | (3.2) | (4.7)  |                                                                                                                                                                           |
| PREMIA       | 25.4             | 10.2            | -                  | -1.3%        | 0.0                       | 0.0  | 2.2   | 2.2    |                                                                                                                                                                           |
| VNM          | 386.0            | 15.4            | -                  | -0.3%        | 0.0                       | -    | 1.5   | (14.4) |                                                                                                                                                                           |

| Khối ngoại (tr. USD) | Ngày     | Lũy kế từ đầu tuần | Lũy kế từ đầu tháng |
|----------------------|----------|--------------------|---------------------|
| Việt Nam             | (13.79)  | (13.79)            | 85.72               |
| ASEAN4*              | 27.74    | 54.74              | 2,162.89            |
| Ấn Độ                | (14.21)  | 391.51             | 5,999.11            |
| Đài Loan             | (850.95) | (850.95)           | (3,553.59)          |
| Hàn Quốc             | (50.70)  | (39.81)            | 2,342.55            |
| Nhật Bản             |          | 207.35             | 999.40              |
| Trung Quốc           |          |                    | 67,469.18           |

Ghi chú: \* Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia

| Credit Default Swap | MoM %  |
|---------------------|--------|
| Việt Nam            | -7.47  |
| Trung Quốc          | -19.41 |
| Singapores          | -7.47  |
| Phillippines        | -11.47 |
| Malaysia            | -5.12  |



Nguồn: Fiinpro, BSC



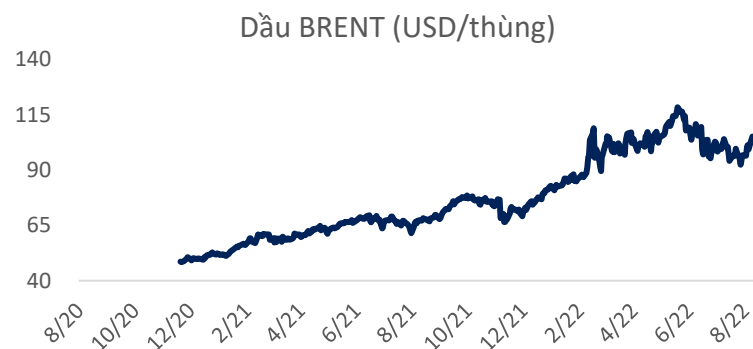
## Thị trường hàng hóa: Dầu tăng hơn 4%

| Mặt hàng  | Đơn vị   | 30/8     | % Sáng | 29/8     | % Ngày | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|-----------|----------|----------|--------|----------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| Dầu WTI   | USD/bbl. | 96.74    | -0.28% | 97.01    | 4.24%  | 3.20%  | -0.01%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| Dầu Brent | USD/bbl. | 104.56   | -0.50% | 105.09   | 4.06%  | 4.33%  | 0.57%   | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| Xăng      | USd/gal. | 287.33   | -0.15% | 287.76   | 0.92%  | -2.04% | -7.71%  | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Vàng      | USD/oz.  | 1,739.36 | 0.13%  | 1,737.09 | -0.06% | -0.50% | -1.51%  | PNJ                |                    |
| Bạc       | USD/oz.  | 18.75    | -0.08% | 18.76    | -0.71% | -1.93% | -7.91%  | PNJ                |                    |
| Đậu tương | USD/cwt. | 1,430.25 | -0.52% | 1,437.75 | -1.61% | -2.10% | -2.60%  | HKB                | DBC, QNS           |
| Lúa mỳ    | USd/bu.  | 841.75   | -0.12% | 842.75   | 4.66%  | 5.15%  | 1.94%   |                    | AFX                |
| Sữa       | USd/bu.  | 20.15    | -1.27% | 20.41    | -1.69% | -2.42% | -1.99%  | VNM, GTN, QNS      | KDC                |
| Cao su    | JPY/kg.  | 227.90   | 0.44%  | 226.90   | 0.67%  | 0.09%  | -5.04%  | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| Đường     | USd/lb.  | 18.44    | -0.16% | 18.47    | 3.18%  | 2.79%  | 4.06%   | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| Cà phê    | USd/lb.  | 236.60   | -0.63% | 238.10   | -0.58% | 6.96%  | 10.25%  | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| Đồng      | USD/MT   |          |        | 8,160.50 | 0.39%  | 1.02%  | 6.85%   | MSN, ACM, BGM      | CAV, SAM, TGP, VTH |
| Thép      | CNY/MT   | 3,943.00 | -1.99% | 4,023.00 | -1.35% | -2.04% | -1.77%  | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| Nhôm      | USD/MT   |          |        | 2,493.50 | 2.47%  | 4.51%  | 2.93%   |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| Quặng sắt | CNY/MT   | 705.50   | -1.74% | 718.00   | -0.83% | 1.15%  | -1.47%  |                    | HPG                |
| Than      | USD/MT   |          |        | 422.75   | -1.00% | -5.11% | 4.10%   | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USD = US Cent

### Cập nhật thị trường

Giá dầu tăng hơn 4%, nối dài đà tăng tuần trước, khi khả năng OPEC+ cắt giảm sản lượng và xung đột ở Libya đã giúp bù đắp đà tăng của đồng USD và triển vọng tăng trưởng xấu đi của Mỹ.



Nguồn: Bloomberg, BSC

# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của CTCP Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thaiholdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>  
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639

# Mạng lưới Nhà đầu tư BSC

\* Quý nhà đầu tư vui lòng đặt câu hỏi tại phần bình luận để được tư vấn trực tiếp.

\* Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)



## DANH MỤC BÁO CÁO BSC

Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app Zalo để tham khảo các



## CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app Zalo để tham gia